

# QUAN NIỆM VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ VUA, NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN ĐỐI VỚI DÂN DƯỚI THỜI LÝ - TRẦN

TRƯƠNG THỊ THẢO NGUYỄN  
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 21/01/2021. Sửa chữa xong 02/02/2021. Duyệt đăng 05/02/2021.

## Abstract

*From the awareness of the great role of the people, the kings and thinkers of the Ly - Tran dynasty always considered the important task of the rule of the country to implement the guidelines and policies for the people, expressed through the attitude and responsibility of the king, the feudal state towards the people and in the relationship with the people such as: the king, the court must really be an example of morality, rule the people with morality, and policies. of the king, the state must be in line with the hearts of the people, implementing the line of virtue, implementing the pro-people and well-being policy.*

**Keywords:** Thought, feudal state, people, morality, Confucianism.

## 1. Đặt vấn đề

Xuất phát từ truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, từ những bài học, kinh nghiệm được đúc rút trong lịch sử nhiều nhà vua, nhà Nho và nhà tư tưởng thời Lý - Trần đã sớm nhận thức rõ vai trò to lớn của nhân dân trong các diễn biến của lịch sử, công cuộc xây dựng, phát triển đất nước về mọi mặt trong việc xây dựng và bảo vệ chế độ phong kiến Việt Nam. Do đó, dưới thời Lý - Trần, quan niệm về dân được nêu lên không chỉ là cơ sở, lực lượng quan trọng nhất để tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc mà còn là điều kiện không thể thiếu được đảm bảo cho sự trường tồn của dân tộc, chế độ phong kiến. Đối với họ, việc thiết lập mối quan hệ giữa vua - quan - dân là điều quan tâm hàng đầu trong việc xây dựng và duy trì bộ máy nhà nước phong kiến. Cả ba yếu tố ấy có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu trên (vua, quan, chính quyền) mà không nghiêm thì dưới (dân) ắt sẽ loạn và ngược lại, dưới mà không yên ổn thì chính quyền khó có thể duy trì chế độ và xã hội phong kiến có kỷ cương, có trật tự và ổn định, phát triển được. Từ việc nhận thức được vai trò to lớn của dân nên vua quan và các nhà tư tưởng thời Lý - Trần luôn coi nhiệm vụ quan trọng trong đạo trị nước là phải thi hành đường lối, chính sách vì dân, được thể hiện qua thái độ, trách nhiệm của nhà vua, nhà nước phong kiến đối với dân và trong mối quan hệ với dân.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Trong tư tưởng của nhiều nhà vua, nhà tư tưởng và nhà Nho thời Lý - Trần khi đề cập đến vai trò, trách nhiệm của nhà vua, nhà nước phong kiến đối với dân có thể khái quát một số nội dung chủ yếu sau:

### 2.1. Nhà vua, triều đình phải thực sự là tấm gương về đạo đức, cai trị dân bằng đạo đức, thực hiện đường lối đức trị

Quan niệm của các nhà vua, nhà Nho, nhà tư tưởng thời Lý - Trần hết sức coi trọng, đề cao vai trò của đạo đức, đặc biệt là đạo đức của nhà vua, người cầm quyền. Bởi vì, trong xã hội phong kiến, sự tồn tại của ngôi vua, cái đức của nhà vua và vương triều có ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định, phát triển xã hội và mới làm cho người dân có đạo đức. Sự thịnh trị hay rối loạn của triều đại xét đến cùng

đều phụ thuộc vào hành vi và đạo đức của nhà vua. Do đó, theo các nhà Nho, nhà tư tưởng thời Lý - Trần, nhà vua phải tu dưỡng đạo đức, sống theo cái đức hạnh của đạo làm vua để xây dựng những quan hệ đạo đức cho toàn xã hội, làm gương cho thiên hạ noi theo và giáo hóa mọi người có đạo đức. Nếu nhà vua có đức và luôn tu dưỡng, rèn luyện sửa đức thì ân trạch thấm thía đến mọi người và người dân sống yên vui trong cảnh thái bình thịnh trị: “Đạo đức thanh thang khuôn mẫu; lễ nghĩa bền chặt sắt vàng. Hạo khí như băng sương lẫm liệt; văn hoa như nhật nguyệt huy hoàng. Soi tới thì tối tăm trở thành sáng suốt; mài vào thì khờ dại hóa ra mở mang” [1, tr. 843].

Vào cuối triều Lý, vua Lý Cao Tông chơi bời vô độ, hình chính không rõ ràng, rường mối đã hỏng, vì thế mà nhân dân rất khổ cực, các quan trong triều đã khuyên can vua: “Trước hãy sửa đức, sau sẽ hưng công, thế mới là phải” [2, tr. 381]. Vua không nghe lời khuyên ngăn của quần thần, vì thế mà triều đình nhà Lý suy yếu. Về vấn đề này, sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: “Cao Tôn tuổi còn bé lên nối ngôi, Chiêu Linh thái hậu vẫn để lòng phế lập, bản thân vua suýt nguy... Thế mà vua đắm đuối chơi bời, say mê thanh sắc, ham của cải, thích xây dựng, dạy các quân lười biếng ham mê, để trăm họ ta phải oán, làm cho phúc nhà Lý ngày một hao mòn đến nỗi mất nước. Kinh Thư có câu: “Bên trong mê sắc đẹp, bên ngoài mê săn bắn, ham rượu thích nhạc, nhà cao tường đẹp, người nào phạm một điều trong các điều ấy tất phải diệt vong”, mà vua thì phạm đủ các điều ấy, còn làm gì được [2, tr. 385-386].

Vì đạo đức nhà vua có vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại của triều đại cho nên để nhận mệnh trời, nhà vua phải là người có đạo đức. Ngay từ đầu triều Lý, khi Đào Cam Mộc khuyên Lý Công Uẩn lên ngôi, ông đã thể hiện quan điểm và cho rằng, Lý Công Uẩn có đức độ nên ắt được thiên hạ. Sử thần Ngô Sĩ Liên cũng đồng quan điểm này và bàn rằng: “Lý Tổ dấy lên, tự trời báo điềm tốt, hiện ra ở nét cây thiêng. Có đức tất có ngôi, bởi vì lòng người quy phụ. Lại nhằm sau lúc Ngoa triều hoang dâm bạo ngược mà Lý Tổ thì vốn tiếng khoan nhân, trời tìm người làm chủ dân, dân theo về người có đức, trừ Lý Tổ ra thì còn ai hơn nữa! Xét ra vua nhận mệnh sâu sắc lặng lẽ, dời đô yên nước, lòng nhân thương dân, lòng thành cảm trời, cùng đánh kẻ dẹp loạn” [2, tr. 259].

Để được lòng dân, thực sự là cha mẹ của dân và do chịu ảnh hưởng tư tưởng về dân của Nho giáo tiên Tần, các nhà vua đều tỏ ra rất thận trọng và nghiêm cẩn trong mọi công việc hành chính của triều đại, tu dưỡng, giữ gìn đạo đức. Lý Thái Tông đã nói: “Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, dậy sớm thức khuya, lúc nào cũng lo sợ như lội vực sâu, chưa biết lấy đạo gì để thấu trời đất, lấy đức gì để kịp Nghiêu Thuấn” [2, tr. 272]. Người kế tục cơ nghiệp của dòng họ cầm quyền cũng phải là người thực sự có đạo đức và tài năng. Như khi Lý Phật Mã được vua Lý Thái Tổ phong làm Thái Tử, bởi vì ông là người có đầy đủ cả tài và đức, Nội thị là Lý Nhân Nghĩa đã nói rằng: “Tiên đế cho điện hạ là người đức có thể nối được chí, tài có thể làm nổi việc nên lấy thiên hạ phó thác cho điện hạ nay giặc đến tận cửa cung mà ẩn nhẫn như thế, thì đối với sự phó thác của tiên đế ra sao?” [2, tr. 251]. Sang thời Trần, các vua đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đức hạnh cho các thái tử, như sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Vua thân làm bài minh cho các hoàng tử, dạy về trung hiếu, hòa tống, ôn lương cung kiệm” [2, tr. 421]. Hay như Thượng hoàng Trần Minh Tông là người có đức độ nên cũng thường xuyên dạy các hoàng tử rằng: “Các con nên xem lại việc làm của đời xưa, việc gì phải thì theo, việc gì không phải thì lánh xa, không cần gì cha phải dạy” [2, tr. 578].

Nhà vua, người cầm quyền không chỉ là người có đạo đức, mà điều quan trọng hơn, cần thiết hơn của một ông vua có đạo đức là phải cai trị dân bằng đạo đức, phải thực thi các chủ trương, chính sách, biện pháp của nhà vua, người cầm quyền trong quan hệ với dân phải mang nội dung đạo đức, nhiều nhà vua, nhà Nho, nhà tư tưởng thời Lý - Trần đều cho rằng, nhà vua có đức và thường xuyên sửa đức thì “Ân trạch thấm thía đến quần chúng” mới làm cho dân sinh sống dễ dàng và “Muôn họ âu ca trong cảnh thái bình thịnh trị”. Vua Lý Nhân Tông thể hiện rõ quan điểm của mình về việc trị nước là phải dùng nhân đức mới thu phục được thiên hạ. Ông nói rằng: “Trẫm nối nghiệp của một tổ hai

tông, thống trị nhân dân, coi dân chúng trong bốn biển đều như con cả, cho nên cỡi xa cũng mến lòng nhân mà quy phụ, phương khác cùng mộ đức nghĩa mà lại châu” [2, tr. 318].

Như vậy, trong quan niệm của nhiều nhà vua, nhà tư tưởng thời Lý - Trần đặc biệt nêu cao đường lối đức trị, coi việc cai trị xã hội, cai trị dân bằng các chuẩn mực đạo đức là một trong những biện pháp hiệu quả nhất nhằm xây dựng, củng cố và phát triển chế độ phong kiến, củng cố vương triều, ngôi vua để duy trì trật tự, kỷ cương của xã hội theo khuôn khổ của chế độ phong kiến, bảo vệ địa vị, lợi ích của giai cấp thống trị và để an dân.

## 2.2. Nhà vua, triều đình phong kiến phải thực hiện chính sách thân dân, an dân

Trong tư tưởng của nhiều nhà vua, nhà tư tưởng thời Lý - Trần, để kiến tạo về mô hình xã hội cần có, nhà vua phải luôn gần dân, yêu thương dân, được lòng dân, làm cho dân chúng giàu có; đối với dân, nhà vua phải khoan hòa, giản dị; phải làm cho đất nước thái bình, không còn chiến tranh.

Thời Lý - Trần, các vua không chỉ ngồi yên nơi ngai vàng mà thường xuyên đi xuống các địa phương, thăm hỏi việc làm nông như đắp đê, gặt hái và dự các lễ hội như đấu vật, đua thuyền,... Các vua Lý còn tham gia cày ruộng trong lễ “tịch điền” cùng dân chúng để khuyến khích sản xuất nông nghiệp vào đầu mùa xuân hàng năm. Về việc này, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, vua ngự đến Tín Hương ở Đổ Động Giang cày ruộng tịch điền, có nhà nông dâng một cây lúa chiêm có 9 bông thóc. Xuống chiếu đổi gọi ruộng ấy là ruộng ứng thiên. Ngày ấy trở về cung” [3, tr. 157]. Năm Bính Thìn (1316), vua Trần Minh Tông còn sai tế thần, tôn thất cùng các quan gặt ruộng tịch điền. “Mùa đông, tháng 11, sai tế thần, tôn thất và các quan gặt ruộng tịch điền” [3, tr. 269]. Còn vua Trần Thái Tông mặc dù “Việc dân vất vả, việc nước bộn bề” nhưng vẫn muốn “Ra ngoài chơi để được nghe tiếng nói của dân và xem xét lòng dân, ngõ hầu biết được mọi khó khăn của công việc” [4, tr. 28]. Như vậy, có thể khẳng định, thông qua việc tham gia cày tịch điền, các vị vua triều Lý - Trần đã làm gương tốt cho dân để khích lệ tinh thần lao động của nhân dân và thể hiện tinh thần gần dân, trọng nông, phần nào muốn xóa đi sự cách biệt giữa vua và dân. Bộ *Hình thư* (năm 1042), Bộ *Hình luật* (năm 1341) và nhiều văn bản dưới luật khác dưới triều Lý - Trần, không thể phủ nhận ảnh hưởng của yếu tố truyền thống dân tộc, tinh thần khoan dung độ lượng của Phật giáo và cả những yếu tố khắc nghiệt của Nho giáo nhưng vẫn tìm thấy ảnh hưởng của yếu tố tích cực trong tư tưởng ái dân, thân dân của Nho giáo tiên Tần đối với việc hình thành và triển khai thực hiện bộ luật này như đòi hỏi nhà vua, người cầm quyền phải yêu thương dân chúng, đặc biệt là người già, kẻ cô đơn, trẻ con.

Sự quan tâm của nhà vua và đội ngũ quan lại trong triều đối với dân còn chủ yếu được thể hiện thông qua những chính sách và việc làm cụ thể như đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ sức kéo, bảo vệ đê điều, giảm thuế đối với nông dân. Như sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã chép, vào những năm mất mùa, đói kém xảy ra do thiên tai hay chiến tranh thì nhà nước đều thực hiện chính sách đại xá, giảm thuế, miễn thuế và mở kho phát chẩn cứu tế cho dân, đặc biệt là dân nghèo và người dân ở những vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi thiên tai, dịch họa, chiến tranh. Chẳng hạn như ngay sau khi lên ngôi, Lý Thái Tổ đã thực hiện việc xá thuế cho dân. Chính điều này đã thể hiện tấm lòng, sự cảm thông của vua với cuộc sống đang rất khó khăn của người dân. Như sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Mùa đông, tháng 12, cung Thụy Hoa làm xong, làm lễ khánh thành, đại xá thuế cho thiên hạ trong 3 năm, những người mồ côi, góa chồng, già yếu, thiếu thuế đã lâu, đều tha cho cả” [5, tr. 148]. Sang thời Trần, theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Canh dần năm thứ 6 (1290), đói to, 3 thăng gạo trị giá một quan tiền, dân nhiều người bán ruộng đất và bán con trai, con gái làm nô tỳ cho người khác, mỗi người trị giá 1 quan tiền. Xuống chiếu phát thóc công để chẩn cấp dân nghèo và miễn thuế dân đinh” [5, tr. 248].

Hay việc Thượng hoàng Trần Thánh Tông tổ chức triệu họp các bô lão trong cả nước đến dự Hội nghị Diên Hồng để trưng cầu dân ý, hỏi ý kiến về chủ trương hòa hay đánh khi quân Mông -

Nguyên sang xâm lược Việt Nam lần thứ hai. “Thượng hoàng cho gọi các phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, cho ăn và hỏi kế. Các phụ lão đều nói là nên đánh, muôn người cùng lời như một” [6, tr. 457]. Việc làm của Trần Thánh Tông cho thấy, trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, giai cấp thống trị đã vào tin dân, dựa vào sức mạnh của dân và quán triệt tư tưởng trọng dân, thân dân, các bộ lão thời Trần và tầng lớp bình dân làng xã thời kỳ này rất được giai cấp thống trị xem trọng. Có thể nói, việc làm của Trần Thánh Tông đã chứa đựng yếu tố dân chủ truyền thống và đây cũng chính là sự khác biệt cơ bản trong quan niệm về trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền đối với dân trong Nho giáo tiền Tần và trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thời kỳ Lý - Trần.

Điểm nổi bật trong tư tưởng về dân thời Lý - Trần đó là nhà vua không áp đặt ý chí chuyên chế một cách tuyệt đối mà biết lắng nghe ý kiến của người dân. Chẳng hạn năm 1076, vua Lý Nhân Tông “Xuống chiếu cầu lời nói thẳng” hay vào năm 1158, vua Lý Anh Tông “Cho đặt cái hòm ở giữa sân để ai có trình bày việc gì thì bỏ thư vào hòm ấy”. Bên cạnh việc gần gũi, lắng nghe tiếng nói của dân, nhà vua và triều đình thời Lý - Trần còn có những chính sách và hành động cụ thể để dưỡng dân, đem lại lợi ích cho dân. Sử thần Lê Văn Hưu từng nhấn mạnh đến vai trò, trách nhiệm của một ông vua là phải chặn dất dân chứ không phải tự phụng cho mình: “Trời sinh ra dân mà đặt vua để chặn dất, không phải để cung phụng riêng cho vua” [7, tr. 187]. Dưỡng dân đã được cụ thể hóa thành các biện pháp, chính sách của vua quan thời kỳ Lý - Trần trong việc chăm lo đời sống của nhân dân như đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa ra những quy định về việc bảo vệ sức kéo, chú trọng đến công tác trị thủy, xây dựng và củng cố đê điều. Vua Lý Thái Tông thể hiện rõ quan điểm thân dân sâu sắc của mình khi nói: “Đánh dẹp phương xa, tổn hại việc nông, ngờ đâu mùa đông năm nay lại được mùa lớn! Nếu trăm họ đã đủ thì trăm lo gì không đủ? Vậy xá cho thiên hạ một nửa tiền thuế năm nay, để úy lạo sự khó nhọc lặn lội” [7, tr. 278]. Còn vua Trần Minh Tông thì coi mình là cha mẹ dân nên nếu sinh dân mắc vào cảnh lầm than thì phải cứu gấp” [7, tr. 278]. Nhà nước phong kiến Lý - Trần còn thường xuyên thi hành đại xá cho thiên hạ. Trong những năm thiên tai, mất mùa đói kém xảy ra, nhà nước không những thực hiện giảm thuế, miễn thuế mà còn mở kho phát chẩn cứu tế cho dân. Đặc biệt, nhà vua thấy rất xót thương cảnh chiến tranh khiến cho tổn hại đến nhân dân nên sau chiến tranh, những nơi bị binh lửa thì miễn toàn phần tô ruộng, tạp dịch; các nơi khác thì miễn giảm theo mức độ khác nhau. Trong hoàn cảnh đất nước thường xuyên phải trải qua những cuộc chiến tranh khốc liệt thì đó là việc làm có ý nghĩa trong chính sách dưỡng dân của nhà vua, nhà nước. Qua ghi chép trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư cho thấy, mỗi cuộc chiến tranh đều để lại những hậu quả hết sức nặng nề về người và của mà người gánh chịu nhiều nhất lại là đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Cho nên, việc cần thiết của triều đình sau khi đánh thắng giặc không phải là xây dựng lại kinh thành cho nguy nga lộng lẫy mà là phải cứu giúp những nơi bị tàn phá, có như thế nhân dân mới hướng về triều đình.*

Chính sách dưỡng dân đòi hỏi nhà vua, triều đình phải bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Năm 1320, vua Trần Minh Tông ra quy định cụ thể: “Phàm tranh nhau ruộng đất, khám xét ra không phải là của mình mà cố tranh bậy thì phải phân tọa, tính số tiền về giá ruộng đất ấy bắt phải bồi lại gấp đôi. Nếu làm văn khế giả mạo thì chặt một đốt ngón tay bên trái” [8, tr. 536-537].

Quan niệm về thái độ của nhà vua, người cầm quyền trong tư tưởng của nhiều Nho sĩ thời Lý - Trần được biểu hiện thành một tình cảm xót thương những nỗi đau khổ và cực nhọc của người dân. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì phần lớn các nhà Nho lúc này đều xuất thân từ nông dân, thợ thủ công và địa chủ thứ dân, cho nên sự quan tâm đến dân đã xuất phát từ tình cảm của những người sống gần gũi với dân, hiểu được những trăn trở của nhân dân về các vấn đề thực tiễn lúc bấy giờ, vì vậy họ đồng cảm với những khó khăn, vất vả của người dân. Tư tưởng “Khoan thư sức dân” của nhà Trần và các nhà tư tưởng Việt Nam thời Trần là nhất quán, bao trùm, đã thể hiện rõ nhất quan niệm trong tư tưởng Việt Nam về trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền đối với dân. Tư tưởng ấy không

chỉ mang đậm tính nhân văn mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoàn cảnh đất nước ta vừa trải qua những cuộc chiến tranh khốc liệt. Như chúng ta đã biết, trong lịch sử chiến tranh, bất cứ một cuộc chiến tranh nào cũng để lại những hậu quả hết sức nặng nề về người và của mà người gánh chịu nhiều nhất lại là đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Nguyên Mông của nhân dân ta thế kỷ XIII cũng vậy. Ba lần đương đầu với kẻ thù hung bạo nhất lúc bấy giờ, nhân dân ta đã chiến thắng nhưng hậu quả để lại cũng rất nghiêm trọng đối với sản xuất và đời sống của người dân: “Sinh linh bị giết hại, làng mộ bị bới đào, chùa chiền bị đốt phá, cây cối bị chặt đẵn không sao kể xiết” [9, tr. 550]. Do đó việc làm cần kíp, quan trọng nhất của nhà vua, nhà nước sau chiến tranh là phải đặc biệt quan tâm đến người dân và đời sống của họ ở những vùng bị chiến tranh tàn phá nặng nề, phải tập trung nguồn lực và tạo điều kiện để khôi phục phát triển sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân. Và theo vua quan nhà Trần và nhà tư tưởng Việt Nam thời Trần, đó là những việc “Cần phải làm ngay không chậm trễ để yên lòng dân”. Điều này càng thể hiện rõ, mặc dù có nhiều điểm tương đồng với tư tưởng về dân nói chung, quan niệm về trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền nói riêng trong Nho giáo tiên Tần nói riêng nhưng về cơ bản, hệ tư tưởng, quan niệm ấy trong nhiều nhà vua, nhà tư tưởng Việt Nam thời Trần được cụ thể hơn, bổ sung và phát triển thêm, đặc biệt mang nhiều yếu tố tích cực và đậm tính nhân văn, tính nhân dân và tính dân tộc.

### 3. Kết luận

Như vậy, trong quan niệm của nhiều nhà vua, nhà tư tưởng thời Lý - Trần luôn yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải luôn tu dưỡng đạo đức, đối xử với dân có đạo đức, thi hành các biện pháp cai trị và quản lý xã hội mang nội dung đạo đức, phải coi việc dưỡng dân và giáo dân là một trong những nhiệm vụ cơ bản, hàng đầu. Không những thế, nếu nhà vua, người cầm quyền mà không có đạo đức thì không thể cai trị được nhân dân, không thể làm cho dân có đạo đức và xã hội có trật tự, kỷ cương và tất yếu không thể thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị đặt ra. Trong bối cảnh xã hội đương thời, vua quan các triều đại luôn tỏ ra là người có đạo đức, lấy mình làm gương sáng để giáo hóa cho nhân dân. Bên cạnh đó, trách nhiệm của nhà vua, nhà nước phong kiến luôn đề cao việc cai trị dân bằng đạo đức, quan tâm đến giáo dục những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho quần và dân.

Trong tư tưởng của các nhà vua, nhà Nho, nhà tư tưởng thời Lý - Trần luôn yêu cầu nhà vua, triều đình phải thật sự xem dân là gốc của nước, là nền tảng của thể chế chính trị nhà vua. Quan tâm đến đời sống vật chất, giáo hóa cho dân có đạo đức và bảo vệ dân có quan hệ mật thiết và có ý nghĩa quyết định đến sự tồn vong, thành bại của “vương triều” và chế độ chính trị nhà vua. Bởi vậy trong nhiều chiếu, chỉ dụ, lệnh, huấn điều và trong các bộ luật, nhà vua, nhà nước phong kiến Việt Nam luôn đòi hỏi, yêu cầu nhà vua, đội ngũ quan lại, những người có chức quyền phải luôn thương yêu dân chúng. Có như vậy, nhà vua, nhà nước mới được lòng tin của dân, mà đây là điều quan trọng nhất đối với sự tồn vong, thịnh suy, thành bại của nhà vua, chế độ chính trị và của quốc gia.

#### Tài liệu tham khảo

1. Viện Văn học, *Thơ văn Lý Trần* (tập 2), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Sử thần Ngô Sĩ Liên tập 1), NXB Văn học, Hà Nội, 2006.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản mộc bản khắc năm chính hòa thứ 18 (1697), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
4. Viện Văn học, *Thơ văn Lý Trần* (tập 2), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản mộc bản khắc năm chính hòa thứ 18 (1697), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Sử thần Ngô Sĩ Liên tập 1), NXB Văn học, Hà Nội, 2006.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản mộc bản khắc năm chính hòa thứ 18 (1697), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Sử thần Ngô Sĩ Liên tập 1), NXB Văn học, Hà Nội, 2006.
9. Viện Văn học, *Thơ văn Lý Trần* (tập 2), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989.